

CHÍNH PHỦ
Số: 81/2005/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 22 tháng 6 năm 2005

NGHỊ ĐỊNH

Về tổ chức và hoạt động của Thanh tra Tài chính

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 6 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh Xử phạt vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Vị trí và chức năng

Thanh tra Tài chính được tổ chức theo cấp hành chính, ở Trung ương có Thanh tra Bộ Tài chính thuộc Bộ Tài chính (sau đây gọi tắt là Thanh tra Bộ) và Thanh tra Tổng cục Thuế, Thanh tra Tổng cục Hải quan, Thanh tra Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (sau đây gọi chung là Thanh tra Tổng cục); ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có Thanh tra Sở Tài chính thuộc Sở Tài chính (sau đây gọi tắt là Thanh tra Sở); thực hiện chức năng thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính và Sở Tài chính (gọi chung là lĩnh vực tài chính) theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng thanh tra

1. Tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý của Bộ Tài chính và Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam có nghĩa vụ chấp hành quy định của pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính và Sở Tài chính.

Trường hợp Điều ước quốc tế mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác với Nghị định này thì áp dụng Điều ước quốc tế đó.

Điều 3. Nội dung hoạt động

1. Thanh tra, kiểm tra đối với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này về việc thực hiện chính sách, pháp luật và nhiệm vụ do cấp có thẩm quyền giao.

2. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách, pháp luật về lĩnh vực tài chính của các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này.

3. Xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý các vi phạm pháp luật trong lĩnh vực tài chính.

4. Phát hiện, lập biên bản, có biện pháp ngăn chặn, quyết định theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

5. Xây dựng chương trình, kế hoạch thanh tra, hướng dẫn các tổ chức thanh tra của cơ quan tài chính xây dựng chương trình, kế hoạch thanh tra; tổ chức thực hiện và kiểm tra đôn đốc các tổ chức thanh tra của cơ quan tài chính cấp dưới thực hiện chương trình, kế hoạch thanh tra đã được phê duyệt.

6. Giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo; phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng theo quy định của pháp luật.

7. Hướng dẫn bồi dưỡng về nội dung nghiệp vụ thanh tra, thực hiện kiểm tra đối với thanh tra của cơ quan tài chính cấp dưới trong việc thực hiện thanh tra và xử lý sau thanh tra; xây dựng quy trình nghiệp vụ về công tác thanh tra, tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các quy trình nghiệp vụ đó.

8. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật phù hợp với quy định của luật, pháp lệnh và yêu cầu quản lý nhà nước về lĩnh vực tài chính.

9. Tổng hợp, báo cáo kết quả công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng ngừa và chống tham nhũng; tổ chức tổng kết kinh nghiệm về công tác thanh tra tài chính.

10. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động

1. Hoạt động của Thanh tra Tài chính phải tuân theo pháp luật; bảo đảm chính xác, khách quan, trung thực, công khai, dân chủ, kịp thời; không làm cản trở hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức cá nhân là đối tượng thanh tra.

2. Khi tiến hành thanh tra, người ra quyết định thanh tra, Thủ trưởng cơ quan thanh tra, Trưởng đoàn thanh tra, Thanh tra viên phải thực hiện các quy định pháp luật về thanh tra và phải chịu trách nhiệm về hành vi, quyết định của mình.

Điều 5. Mối quan hệ công tác

1. Các cơ quan Thanh tra tài chính hoạt động dưới sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về tài chính cùng cấp và sự chỉ đạo về công tác, tổ chức và nghiệp vụ thanh tra của cơ quan Thanh tra cấp trên.

2. Thanh tra Bộ chịu sự chỉ đạo về công tác, tổ chức và nghiệp vụ thanh tra của Thanh tra Chính phủ theo quy định của pháp luật.

3. Thanh tra Bộ hướng dẫn về nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành cho Thanh tra Sở; quản lý, chỉ đạo về công tác tổ chức và hoạt động nghiệp vụ thanh tra đối với Thanh tra Tổng cục thuộc Bộ Tài chính.

4. Thanh tra Sở chịu sự hướng dẫn về công tác, nghiệp vụ thanh tra hành chính của Thanh tra cấp tỉnh.

5. Thanh tra Tài chính phối hợp với Thanh tra các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan khác ở địa phương trong quá trình thanh tra các vấn đề liên quan đến công tác tài chính để tránh chồng chéo và nâng cao hiệu quả thanh tra, kiểm tra, phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật.

Chương II

TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA THANH TRA TÀI CHÍNH

Điều 6. Tổ chức Thanh tra Tài chính

1. Ở Bộ Tài chính có Thanh tra Bộ Tài chính và Thanh tra Tổng cục Thuế, Thanh tra Tổng cục Hải quan, Thanh tra Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. Ở Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có Thanh tra Sở Tài chính.

Thanh tra Bộ, Thanh tra Tổng cục và Thanh tra Sở có con dấu và tài khoản riêng.

Điều 7. Tổ chức của Thanh tra Bộ

1. Thanh tra Bộ là cơ quan của Bộ Tài chính; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành.

2. Thanh tra Bộ có Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra và Thanh tra viên.

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra và Thanh tra viên thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Thanh tra Bộ được tổ chức các phòng; Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn, biên chế và tổ chức bộ máy của Thanh tra Bộ.

Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Bộ

1. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 25 Luật Thanh tra.

2. Tham gia xây dựng các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về công tác thanh tra; chủ trì hoặc tham gia xây dựng các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến tổ chức và hoạt động của thanh tra tài chính trình cấp có thẩm quyền ban hành.

3. Hướng dẫn các tổ chức thanh tra của cơ quan tài chính cấp dưới xây dựng chương trình, kế hoạch thanh tra và kiểm tra đôn đốc các tổ chức thanh tra đó thực hiện chương trình, kế hoạch thanh tra đã được phê duyệt.

4. Xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý các vi phạm pháp luật trong lĩnh vực tài chính.

Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đình chỉ việc thi hành hoặc hủy bỏ những quy định trái với văn bản quy phạm pháp luật được phát hiện thông qua hoạt động thanh tra.

5. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý của Thanh tra Bộ; kiểm tra việc thực hiện thanh tra và xử lý sau thanh tra của tổ chức thanh tra cơ quan tài chính cấp dưới.

6. Hướng dẫn nghiệp vụ thanh tra tài chính đối với Thanh tra Tổng cục và Thanh tra Sở; hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị, tổ chức thuộc Bộ thực hiện các quy định của pháp luật về công tác thanh tra.

7. Tổng hợp, báo cáo kết quả về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại tố cáo, chống tham nhũng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính; tổng kết kinh nghiệm, nghiệp vụ thanh tra tài chính.

8. Được trưng tập cán bộ, công chức thanh tra thuộc cơ quan tài chính cấp dưới, được yêu cầu các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan cử cán bộ, công chức tham gia Đoàn thanh tra.

9. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật hoặc Bộ trưởng Bộ Tài chính giao.

Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Bộ

1. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 26 Luật Thanh tra.

2. Chỉ đạo công tác nghiệp vụ thanh tra đối với Thanh tra Bộ, Thanh tra Tổng cục, Thanh tra Sở.

3. Kiến nghị Bộ trưởng giải quyết việc trùng lặp về nội dung và thời gian giữa các Đoàn thanh tra, kiểm tra trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

4. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kết luận, kiến nghị xử lý về công tác thanh tra, kiểm tra thuộc phạm vi trách nhiệm của Thủ trưởng đơn vị, tổ chức thuộc quyền quản lý của Bộ.

5. Hướng dẫn, đôn đốc thủ trưởng đơn vị, tổ chức thuộc quyền quản lý của Bộ thực hiện các quy định về thanh tra.

6. Báo cáo Tổng Thanh tra về công tác thanh tra trong phạm vi trách nhiệm của mình.

7. Kiểm tra, thanh tra trách nhiệm của Thủ trưởng đơn vị, tổ chức thuộc quyền quản lý của Bộ trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra.

8. Tham gia ý kiến với Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi quản lý của Bộ trong việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh thanh tra.

Điều 10. Tổ chức Thanh tra Tổng cục

1. Thanh tra Tổng cục là cơ quan của Tổng cục, thực hiện chức năng thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành trong phạm vi quản lý nhà nước của Tổng cục.

2. Thanh tra Tổng cục có Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra và Thanh tra viên.